

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LANG CHÁNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 9 năm 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Tám

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liên
2. Ông Lê Minh Châu

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị D, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn TP, xã TP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Phi H, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn LC, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 20/4/2022, được bổ sung trong bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Phi H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã TP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa và được UBND xã TP cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 08/9/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Khu phố A, thị trấn LC, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá. Thời gian đầu chung

sống, vợ chồng luôn hoà thuận, hạnh phúc, nhưng đến tháng 11/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhau. Nguyên nhân là do anh H nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả, do đó từ tháng 01/2021 chị về nhà bố mẹ đẻ ở thôn TP, xã TP, huyện LC để ở, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con: Chị và anh Lê Phi H có 02 con chung là các cháu Lê Phi H, sinh ngày 16/9/2016 và Lê Phi H1, sinh ngày 03/10/2018. Kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay cả hai cháu đều ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu anh H cấp dưỡng cho mỗi cháu 750.000 đồng/tháng, cả hai cháu là 1.500.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ khi Toà án có quyết định cho ly hôn đến khi cháu H, cháu H1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Lê Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là anh Lê Phi H không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, anh H có mặt tại phiên toà, nhưng đề nghị hoãn phiên toà vì lý do sức khỏe. Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng anh H vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Toà án đã tiến hành xác minh tại bản thôn TP, xã TP và khu phố A, thị trấn LC, huyện LC về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp giữa chị Lê Thị D và anh Lê Phi H; về điều kiện nuôi con của chị D, anh H, kết quả xác minh:

Về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp: Do chị D có quan hệ không trong sáng với người đàn ông khác, anh H khuyên can nhiều lần nhưng chị D không thay đổi, nên anh H đã đưa chị D về với bố mẹ đẻ của chị D, chị D và anh H cũng ly thân từ đó đến nay.

Về điều kiện nuôi con: Kể từ khi chị D và anh H ly thân đến nay, chị D cư trú tại thôn TP, xã TP, còn anh H cư trú tại khu phố A, thị trấn LC, huyện LC. Hiện nay, cháu H và cháu H1 đang ở cùng chị D, nhưng phần lớn thời gian các cháu ở cùng anh H và ông bà nội, thi thoảng anh H mới cho chị D đón hai cháu về ở cùng, do anh H ngăn cấm nên việc thăm con của chị D gặp nhiều khó khăn. Chị D đang làm công nhân, còn anh H làm nghề lái xe, nơi làm việc của hai người đều ở thị trấn LC; giờ giấc làm việc của chị D ổn định nên có thời gian để chăm sóc các con. Chị D và anh H mỗi người có thu nhập ổn định, với mức thu nhập bình quân từ 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/tháng; về điều kiện tự nhiên, xã hội nơi chị D cư trú thuận lợi và tốt hơn nơi anh H cư trú.

Tại phiên toà, Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”; nơi cư trú của bị đơn tại huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2]. Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để anh H tham gia phiên hoà giải, nhưng anh H vắng mặt không có lý do, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, nhưng anh H vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị Lê Thị D và Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 08/9/2016 do UBND xã TP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa cấp, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị D và anh Lê Phi H là hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của chị D, Hội đồng xét xử thấy: Giữa chị D và anh H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hay cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng thiếu sự tin tưởng về lòng chung thủy của nhau. Mặc dù người thân của anh H và địa phương nơi anh H cư trú cung cấp thông tin về việc chị D có quan hệ ngoại tình, nhưng không cung cấp được chứng cứ, nên không có cơ sở để xem xét. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả; vợ chồng đã có thời gian ly thân nhưng tình cảm không được cải thiện. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh H. Anh H không đến Tòa án tham gia hòa giải, giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh H không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị D, quyết định cho chị D được ly hôn anh H.

[6] Về con: Căn cứ lời trình bày của chị Lê Thị D và bản sao Giấy khai sinh của cháu H, cháu H1 đủ cơ sở xác định: Cháu Lê Phi H, sinh ngày 16/9/2016 và cháu Lê Phi H1, sinh ngày 03/10/2018 là con chung của chị D và anh H. Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị D, thấy: Chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu H và H1, nguyện vọng của chị D là chính đáng, hợp pháp nên có cơ sở để xem xét; anh H không có ý kiến về việc nuôi con. Xét về điều kiện nuôi con của chị D thấy: Chị D có việc làm và thu nhập ổn định, mức thu nhập bình quân từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/tháng; chị D có thời

gian phù hợp để chăm sóc nuôi dưỡng con; nơi chị D sinh sống có điều kiện tự nhiên và xã hội thuận lợi hơn nơi anh H cư trú. Hiện nay các cháu Lê Phi H và Lê Phi H1 đang ở cùng chị D, các cháu còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người phụ nữ, nên giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[7]. Xét về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thấy: Chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu H1, nên có quyền yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho cháu H và cháu H1 là đúng quy định của pháp luật, nên có cơ sở để xem xét. Xét mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng chị D yêu cầu đối với mỗi cháu là 750.000 đồng/tháng, thấy: Căn cứ vào thu nhập từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng, khả năng thực tế của anh H và nhu cầu thiết yếu của cháu H, cháu H1 so với mức trung bình ở địa phương thì mức cấp dưỡng chị D yêu cầu là thấp. Nhưng đây là sự tự nguyện của chị D; với mức thu nhập của chị D cùng với phần cấp dưỡng của anh H thì chị D có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con, nên có cơ sở chấp nhận. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[8] **Về tài sản:** Chị Lê Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] **Về án phí:** Chị Lê Thị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 107, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, các điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị D được ly hôn anh Lê Phi H.

Về con: Giao các cháu Lê Phi H, sinh ngày 16/9/2016 và Lê Phi H1, sinh ngày 03/10/2018 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H phải cấp dưỡng cho cháu H và cháu H1 mỗi cháu 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*)/tháng, cả hai cháu là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2022 đến khi cháu H, cháu H1 đủ 18 tuổi. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0015672 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang

Chánh. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn Lê Thị D; vắng mặt bị đơn Lê Phi H. Chị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã TP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Viết Tám

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA